

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 03 - 4 - 2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Ông Phạm Văn Huỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 871/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ thường trú: Tổ C, ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Chị H vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Lê Quốc H1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2008, tại UBND xã C, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2022 thì thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc, kinh tế gia đình, không có tiếng nói chung và thường xuyên tranh cãi. Đến tháng 9/2024 chị H dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân đến

nay vợ chồng không hoà giải đoàn tụ, không thăm nom chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Chị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2024 bị đơn anh Lê Quốc H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 và chị H chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng trên đất cha mẹ anh H1 cho tại xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2023 anh H1 phát hiện chị H cho em trai chị H vay tiền mà không nói cho anh H1 biết. Từ đó vợ chồng không tin tưởng về tiền bạc, kinh tế trong gia đình nên thường xuyên gây lộn, lời qua tiếng lại, chửi bới lẫn nhau. Đến đầu tháng 9/2024 thì chị H tự ý dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H1 có gọi điện khuyên chị H về nhà cùng nhau xây dựng cuộc sống nhưng chị H không đồng ý và cương quyết xin ly hôn. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn anh H1 không đồng ý ly hôn do còn thương chị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị H. Xử cho chị H được ly hôn với anh H1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Thị H và anh Lê Quốc H1 là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Lê Quốc H1 cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Nai nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Quốc H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H1 chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73/2008, ngày 29/10/2008 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị H và anh H1 đều thừa nhận do không tin tưởng nhau về tiền bạc, kinh tế gia đình nên thường xuyên gây lộn, tranh cãi, chửi bới lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm, thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Từ đó nhận thấy, hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung; Về tài sản chung; Nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H về việc “Tranh chấp ly hôn” với bị đơn anh Lê Quốc H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Quốc H1.

2. Về con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0016636 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị H đã nộp xong.

Chị Trần Thị H và anh Lê Quốc H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Cẩm Đường;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**